

Bản án số: 170/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 17/8/2026.

V/v “*Tranh chấp ly hôn, con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Bộ và bà Nguyễn Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10-Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Nền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10-Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 493/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2026 về tranh chấp “*Tranh chấp ly hôn, con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Đức Kh, sinh ngày 12/3/1983; CCCD số: 030083008688; nơi cư trú: Thôn K, xã P, thành phố Hải Phòng.

**Bị đơn:* Chị Trịnh Thị L, sinh ngày 04/02/1989; CCCD số: 031189017467; Nơi thường trú: TDP L, phường Th, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: E 82, 51103 Köln, G (Cộng hoà liên bang Đ).

(*Nguyên đơn, bị đơn đều đề nghị xét xử vắng mặt.*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bởi biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị Trịnh Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, được đăng ký kết hôn vào ngày 10/4/2013 ở Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hoà S. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng về quan điểm sống. Mặt khác, vợ chồng cũng bất đồng trong việc xây dựng kinh tế gia đình cũng như việc nuôi dạy con cái dẫn đến việc thường xuyên xảy ra cãi cọ, lời qua tiếng lại. Vợ chồng anh **cũng ly thân** từ năm 2015, giữa vợ chồng đã chấm dứt hoàn toàn quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế. Sau khi ly thân, bản thân anh sinh sống tại Cộng hoà S còn chị L sinh sống tại Đ nên vợ chồng ít khi gặp mặt, và chỉ liên lạc khi có vấn đề liên quan đến con chung. Năm 2024, anh về Việt Nam sinh sống còn chị L thì vẫn sống và làm việc tại Cộng hoà liên bang Đ nên không có điều kiện gặp gỡ để hàn gắn tình cảm. **Anh chị đã** nhiều lần cho nhau cơ hội và thời gian hàn gắn nhưng tình cảm không có kết quả. Cả anh

và chị L đều xác định không còn tình cảm và đều có nguyện vọng xin được ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống; do hiện nay chị L lao động, sinh sống tại Cộng hòa liên bang Đ không thể về Việt Nam để làm thủ tục thuận tình ly hôn được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Trịnh Thị L.

- Về con chung: Anh và chị Trịnh Thị L có 01 con chung là cháu Trịnh Đức Tiệp/Trịnh Đức T, sinh ngày 23/11/2012. Hiện cháu đang ở cùng chị L. Khi ly hôn anh đồng ý để chị L được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, việc cấp dưỡng nuôi con anh chị sẽ tự thỏa thuận với nhau dựa trên mức thu nhập thực tế, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, cho vay, nợ chung: Anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

* *Quan điểm của Bị đơn:* Quá trình giải quyết vụ án, chị có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, tại đơn chị cũng đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Đức Kh. Về con chung: Chị xác định chị và anh Kh có 01 con chung, hiện con chung đang ở cùng chị. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Do điều kiện công việc chị đang ở E 82, 51103 Koln, G (Cộng hòa liên bang Đ) nên chị đề nghị được giải quyết vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên toà, phiên họp.

Theo yêu cầu của đương sự, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng, về nuôi dưỡng con chung; cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Đức M (Bố đẻ anh Kh) trình bày: Ông là bố đẻ anh Kh và là bố chồng chị L. Anh Kh và chị L có kết hôn với nhau và được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống, chị L và anh Kh có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống và không bảo ban được nhau trong việc xây dựng kinh tế gia đình cũng như việc nuôi dạy con cái dẫn đến thường hay xảy ra cãi cọ, lời qua tiếng lại. Do mâu thuẫn xảy ra nên anh Kh và chị L đã ly thân từ năm 2015, thời điểm ly thân anh Kh sinh sống tại Cộng hoà S còn chị L sinh sống tại Đ. Đến năm 2024, anh Kh về Việt Nam để sinh sống còn chị L vẫn ở Đ làm việc. Kể từ khi anh Kh về Việt Nam ông cũng không thấy vợ chồng liên lạc với nhau. Gia đình hai bên đã gọi điện, nói chuyện động viên anh Kh và chị L nhiều lần nhưng đều không có kết quả, cả chị L và anh Kh đều thống nhất là không còn tình cảm và không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh Kh và chị L được ly hôn để giải phóng cho hai bên khỏi ràng buộc. Anh Kh và chị L có 01 con chung với nhau là cháu T, hiện cháu đang ở cùng chị L. Nay chị L và anh Kh ly hôn thì Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu T.

- Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1963 (mẹ đẻ chị L) trình bày: Bà là mẹ đẻ chị L. Anh Kh và chị L có kết hôn với nhau và được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, chị L và anh Kh chung sống với nhau tại Cộng hoà S, trong quá trình chung sống. Bà được biết vợ chồng anh chị có mâu thuẫn do hai bên không hợp tính tình bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không bảo ban được nhau trong việc xây dựng kinh tế gia đình cũng như việc nuôi dạy con cái dẫn đến thường hay xảy ra cãi cọ, lời qua tiếng lại. Do mâu thuẫn xảy ra nên anh Kh và chị L đã ly thân từ năm 2015, khi ly thân anh Kh sinh sống tại Cộng hoà S còn chị L thì chuyển sang sinh sống tại Đ. Đến năm 2024, anh Kh về Việt Nam để sinh sống còn chị L và cháu T vẫn ở Đ. Gia đình

hai bên đã gọi điện, nói chuyện động viên anh Kh và chị L nhiều lần nhưng đều không có kết quả, cả chị L và anh Kh đều xác định là không còn tình cảm và không thể hàn gắn được nên bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh Kh và chị L được ly hôn theo quy định của pháp luật.

Anh Kh và chị L có 01 con chung với nhau là cháu T, hiện cháu đang ở cùng chị L tại Cộng hòa liên bang Đ. Nay chị L và anh Kh ly hôn thì đề nghị Tòa án xem xét để chị L được tiếp tục nuôi cháu, nếu cháu về Việt Nam chúng bà cũng sẽ hết sức tạo điều kiện giúp chị L trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho chị L, bà đều đã nhận và thông báo lại cho chị L.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn và Bị đơn đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và giải quyết vấn đề nuôi con chung khi ly hôn.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật và của Tòa án; Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Hướng giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 123; khoản 1 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức Kh, xử cho anh Kh được ly hôn với chị Trịnh Thị L.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Trịnh Đức T, sinh ngày 23/11/2012 cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Thời điểm thực hiện quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung tính từ tháng 8/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu **anh Kh** cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đăng ký thường trú tại phường Th, thành phố Hải Phòng và nơi ở hiện nay: E 82, 51103 Koln, G (Cộng hòa liên bang Đ) nhưng Bị đơn có đơn lựa chọn Tòa án giải quyết là Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hải

Phòng nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân khu vực 10 - thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; nên Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Đức Kh và chị Trịnh Thị L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hoà S vào ngày 10/04/2013 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, xác định: Trong thời kỳ hôn nhân thì vợ chồng anh Kh, chị L đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, dẫn đến sống ly thân kéo dài. Quá trình giải quyết vụ án, anh Kh xác định vợ chồng đã mâu thuẫn và ly thân từ năm 2015 đến nay và chấm dứt hoàn toàn về mặt tình cảm, kinh tế gia đình, dù gia đình và bản thân anh chị đã nhiều lần động viên và cho nhau cơ hội nhưng không có kết quả. Cả anh Kh và chị L đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn; anh Kh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì quan điểm của chị L cũng đồng ý ly hôn. Do vậy, có đủ căn cứ để xác định đến thời điểm hiện tại vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức Kh ly hôn với chị Trịnh Thị L.

[4] *Về con chung*: Anh Nguyễn Đức Kh và chị Trịnh Thị L có 01 con chung là cháu Trịnh Đức T, sinh ngày 23/11/2012, hiện đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, cả anh Kh và chị L đều nhất trí giao con chung cho chị L nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Hiện tại con chung đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng và cháu T cũng có nguyện vọng được ở với chị L. Do vậy, cần giao con chung cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] *Về tài sản, nợ chung vợ chồng*: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* *Căn cứ*: Điều 39 của Bộ luật dân sự. Các Điều 51; Điều 81; Điều 82, Điều 83; Điều 56; Điều 123 và 127 của Luật hôn nhân gia đình. Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 147 và điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

* *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức Kh; xử:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức Kh được ly hôn chị Trịnh Thị L.

- Về con chung: Xác định trong thời kỳ hôn nhân, anh Nguyễn Đức Kh và chị Trịnh Thị L có 01 con chung là cháu Trịnh Đức T, sinh ngày 23/11/2012. Giao cho chị Trịnh Thị L được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Thời điểm thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tính từ tháng 8/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Trịnh Thị L về việc không yêu cầu anh Nguyễn Đức Kh phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Đức Kh phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; được đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/26E; số 0000141 ngày 03/7/2026. Anh Nguyễn Đức Kh đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm; vắng mặt các đương sự. Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày và bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*** Nơi nhận:**

- VKSND khu vực 10.
- Thi hành án dân sự khu vực 10.
- Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hoà S.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Văn Nghĩa